

THÔNG BÁO
Biểu mẫu 17

**Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường Đại học Thương mại
năm học 2022 – 2023**

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học Chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	https://saudaihoc.tmu.edu.vn/tin-tuc/chi-tiet/tuyen-sinh-dao-tao-trinh-do-tien-si-thang-04-nam-2022-19230 https://saudaihoc.tmu.edu.vn/tin-tuc/chi-tiet/tuyen-sinh-dao-tao-trinh-do-tien-si-dot-2-thang-09-nam-2022-19227	https://saudaihoc.tmu.edu.vn/tin-tuc/chi-tiet/tuyen-sinh-trinh-do-thac-si-dot-1-thang-4-nam-2022-19199 https://saudaihoc.tmu.edu.vn/tin-tuc/chi-tiet/tuyen-sinh-trinh-do-thac-si-dot-2-thang-9-nam-2022-19189	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT đồng thời đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với từng phương thức xét tuyển theo quy định của Trường.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	Xem Phụ lục 2.3	Xem Phụ lục 2.2	Xem Phụ lục 2.1
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	- Miễn, giảm học phí. - Hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên dân tộc thiểu số. - Trợ cấp xã hội, trợ cấp đột xuất. - Học bổng khuyến khích học tập; học bổng của các quỹ khác như: Nitori; Báo tiền phong; Đảng ủy khối; Kova; UBĐT. - Trao quà cho sinh viên là con người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học nhân dịp khai giảng năm học mới; tặng quà cho sinh viên là cựu quân nhân nhân ngày 22/12. - Giải quyết các thủ tục hành chính cho sinh viên. - Liên hệ và tìm kiếm các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng; hỗ trợ sinh viên tìm kiếm cơ hội thực tập, việc làm, khởi nghiệp đăng tải qua cổng thông tin việc làm: vieclam.tmu.edu.vn và website Trường.		

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học Chính quy
		- Hỗ trợ hoạt động của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên. - Tổ chức các chương trình hưởng ứng các cuộc vận động. - Tạo điều kiện cho SV tham gia các cuộc thi Olympic. - Tổ chức các Hội nghị, hội thảo về đổi mới phương pháp học tập ở bậc ĐH - Tuyên truyền vận động SV tham gia các cuộc thi do các đơn vị, doanh nghiệp tổ chức. - Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học cho người học. - Tổ chức các hoạt động văn thể. - Các hoạt động hỗ trợ khác: tiếp sức mùa thi, tư vấn tìm nhà trọ, tặng vé xe về quê đón tết... <i>Xem thêm chi tiết tại phụ lục 1.4</i>		
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Xem Phụ lục 4.2	Xem Phụ lục 4.2	Xem Phụ lục 4.1
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Xem Phụ lục 5.3	Xem Phụ lục 5.2	Xem Phụ lục 5.1
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	Xem Phụ lục 6.3	Xem Phụ lục 6.2	Xem Phụ lục 6.1

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



* PGS.TS Nguyễn Hoàng

THÔNG BÁO
Biểu mẫu 18

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của Trường Đại học Thương mại
năm học 2022 – 2023**

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiền sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số	137	1.231	16.932	203				
1	Khối ngành I								
2	Khối ngành II					x	x	x	x
3	Khối ngành III	137	1231	11846	203	x	x	x	x
4	Khối ngành IV					x	x	x	x
5	Khối ngành V			450		x	x	x	x
6	Khối ngành VI					x	x	x	x
7	Khối ngành VII			4636		x	x	x	x

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)				Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	Trung bình	
	Tổng số	5086	1,78	45,85	38,71	13,66	
1	Khối ngành I						
2	Khối ngành II						
3	Khối ngành III	3701	13,4	44,82	38,96	2,82	98,95
4	Khối ngành IV						
5	Khối ngành V	36	44,44	50	5,56		
6	Khối ngành VI						
7	Khối ngành VII	1349	10,22	48,55	38,91	2,32	98,73

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

Trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ: Xem chi tiết tại phụ lục 3.1.1

Trình độ Đại học: Xem chi tiết tại phụ lục 3.1

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

Xem chi tiết tại phụ lục 3.2

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

Trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ: Xem chi tiết tại phụ lục 3.3

Trình độ Đại học: Xem chi tiết tại phụ lục 3.4

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

Xem chi tiết tại phụ lục 3.5

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

Xem chi tiết tại phụ lục 3.5

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

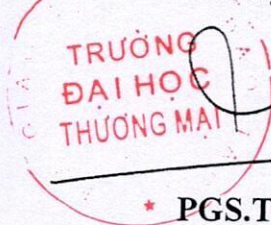
STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Trường Đại học Thương mại	1/2018	Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu 85,2%	Số 16/NQ-HĐKĐCL ngày 28/2/2018	Công nhận đạt chất lượng giáo dục	30/3/2018	30/3/2023
2	Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Marketing	1/2020	Đạt tiêu chuẩn chất lượng với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu 88%	Số 34/NQ-HĐKĐCL ngày 19/02/2020	Công nhận đạt chất lượng CTĐT	25/3/2020	25/3/2025
3	Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Kế toán	1/2020	Đạt tiêu chuẩn chất lượng với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu 90%	Số 35/NQ-HĐKĐCL ngày 19/02/2020	Công nhận đạt chất lượng CTĐT	25/3/2020	25/3/2025
4	Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Kế	1/2020	Đạt tiêu chuẩn chất lượng với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu	Số 36/NQ-HĐKĐCL ngày 19/02/2020	Công nhận đạt chất lượng CTĐT	25/3/2020	25/3/2025

	toán chất lượng cao		90%				
5	Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Tài chính – Ngân hàng	1/2020	Đạt tiêu chuẩn chất lượng với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu 88%	Số 37/NQ-HĐKĐCL ngày 19/02/2020	Công nhận đạt chất lượng CTĐT	25/3/2020	25/3/2025
6	Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Tài chính – Ngân hàng chất lượng cao	1/2020	Đạt tiêu chuẩn chất lượng với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu 90%	Số 38/NQ-HĐKĐCL ngày 19/02/2020	Công nhận đạt chất lượng CTĐT	25/3/2020	25/3/2025
7	Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Kinh tế	12/2021	Đạt tiêu chuẩn chất lượng với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu 88%	Số 25/NQ-HĐKĐCL ngày 24/02/2022	Công nhận đạt chất lượng CTĐT	30/3/2022	30/3/2027
8	Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật kinh tế	12/2021	Đạt tiêu chuẩn chất lượng với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu 88%	Số 26/NQ-HĐKĐCL ngày 24/02/2022	Công nhận đạt chất lượng CTĐT	30/3/2022	30/3/2027
9	Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Thương mại điện tử	12/2021	Đạt tiêu chuẩn chất lượng với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu 88%	Số 28/NQ-HĐKĐCL ngày 24/02/2022	Công nhận đạt chất lượng CTĐT	30/3/2022	30/3/2027
10	Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Hệ thống thông tin quản lý	12/2021	Đạt tiêu chuẩn chất lượng với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu 88%	Số 24/NQ-HĐKĐCL ngày 24/02/2022	Công nhận đạt chất lượng CTĐT	30/3/2022	30/3/2027
11	Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản trị nhân lực	12/2021	Đạt tiêu chuẩn chất lượng với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu 88%	Số 27/NQ-HĐKĐCL ngày 24/02/2022	Công nhận đạt chất lượng CTĐT	30/3/2022	30/3/2027
12	Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh	6/2022	Đạt tiêu chuẩn chất lượng với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu 96%	Số 75/NQ-HĐKĐCL ngày 25/07/2022	Công nhận đạt chất lượng CTĐT	25/8/2022	25/8/2027
13	Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản trị khách sạn	6/2022	Đạt tiêu chuẩn chất lượng với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu 94%	Số 76/NQ-HĐKĐCL ngày 25/07/2022	Công nhận đạt chất lượng CTĐT	25/8/2022	25/8/2027

14	Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	6/2022	Đạt tiêu chuẩn chất lượng với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu 94%	Số 77/NQ-HĐKĐCL ngày 25/07/2022	Công nhận đạt chất lượng CTĐT	25/8/2022	25/8/2027
15	Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Kinh doanh quốc tế	6/2022	Đạt tiêu chuẩn chất lượng với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu 94%	Số 78/NQ-HĐKĐCL ngày 25/07/2022	Công nhận đạt chất lượng CTĐT	25/8/2022	25/8/2027
16	Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Kinh tế quốc tế	6/2022	Đạt tiêu chuẩn chất lượng với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu 96%	Số 79/NQ-HĐKĐCL ngày 25/07/2022	Công nhận đạt chất lượng CTĐT	25/8/2022	25/8/2027
17	Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh	6/2022	Đạt tiêu chuẩn chất lượng với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu 92%	Số 80/NQ-HĐKĐCL ngày 25/07/2022	Công nhận đạt chất lượng CTĐT	25/8/2022	30/8/2027
18	Trường Đại học Thương mại	1/2023	Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Thương mại với 91% số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên	Số 07/NQ-HĐKĐCL ngày 13/02/2023			

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



* PGS.TS Nguyễn Hoàng

THÔNG BÁO
Biểu mẫu 19

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Đại học Thương mại
năm học 2022 – 2023**

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng.

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất Trường Đại học Thương mại quản lý				
	Trong đó:				
a	Trụ sở chính: 79 Hồ Tùng Mậu, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	40,038	X		
b	Phân hiệu Hà Nam:	43,690	X		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo nghiên cứu	74,412	X		
	Trong đó:				
	Trụ sở chính Hà Nội:	45,570			
	Phân hiệu Hà Nam:	28,842			

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

ST T	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thực hành	11	Thực hành tin học, thi trắc nghiệm...	SV	1,109	X		
2	Hội trường	5	Sinh hoạt văn hóa, hội hợp..	CBGV, SV	2,000	X		
3	Phòng học	144	Phòng học	SV	29,888	X		
4	Phòng Đa phương tiện	1	Thực hành	SV	135	X		

5	Xưởng, cơ sở thực hành		Thực hành	SV	2,577	X		
6	Khu hiệu bộ	5	Làm việc	BGH, CB, GV	13,086	X		
7	Ký túc xá SV	226	ở	SV	11,808	X		
8	Thư viện	2	Thư viện	SV	7,800	X		
9	Nhà ăn	2	Nhà ăn	SV	5,342	X		

C. Công khai thông tin về học liệu của thư viện và trung tâm học liệu

Xem chi tiết tại phụ lục 3.6

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên 87.051/16.932	5.14
2	Diện tích sàn/sinh viên 74.412/16.932	4.39

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
THƯƠNG MẠI

PGS.TS Nguyễn Hoàng

THÔNG BÁO
Biểu mẫu 20

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2022 - 2023

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Họ và Tên	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	TS	Ths	ĐH	CD	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số	503	2	43	217	289				226	231	46
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành	443	2	43	194	249				203	194	46
	KHỐI NGÀNH III	298	2	35	142	157				129	131	38
	Ngành Quản trị kinh doanh	47	1	7	25	22				22	17	8
	Ngành Marketing	39		6	16	23				16	17	6
	Ngành Kiểm toán	13		2	10	3					11	2
	Ngành Kế toán	40		9	28	12				12	19	6
	Ngành Kinh doanh quốc tế	13		1	4	9				7	5	1
	Ngành Luật kinh tế	23		1	10	13				9	13	1
	Ngành Tài chính Ngân hàng	43	1	4	22	21				20	17	6
	Ngành Thương mại điện tử	15		1	5	10				9	5	1
	Ngành Hệ thống thông tin quản lý	19		1	5	14				4	14	1
	Ngành Quản trị kinh doanh (Tiếng Pháp)	12			2	10				8	4	
	Ngành Quản trị kinh doanh (Tiếng Trung)	11			4	7				8	3	
	Ngành Quản trị nhân lực	23		3	11	12				14	6	3
	KHỐI NGÀNH V	10		2	6	4				4	4	2
	Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	10		2	6	4				4	4	2
	KHỐI NGÀNH VII	135		6	46	89				70	59	6
	Ngành Quản trị khách sạn	9		1	6	3				2	6	1
	Ngành Quản trị dịch vụ và du lịch lữ hành	18		3	14	4				7	8	3
	Ngành Kinh tế quốc tế				5	5				5	5	
	Ngành kinh tế	41		2	18	23				17	22	2
	Ngành Ngôn ngữ Anh	57			3	54				39	18	
2	Giảng viên cơ hữu môn chung	60			23	37				23	37	

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

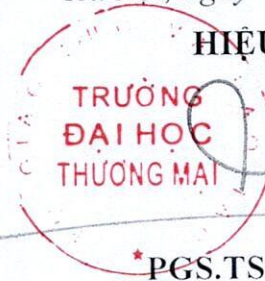
Xem chi tiết tại phụ lục số 3.7

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	23,2
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	19,5
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	21,5

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



*PGS.TS Nguyễn Hoàng



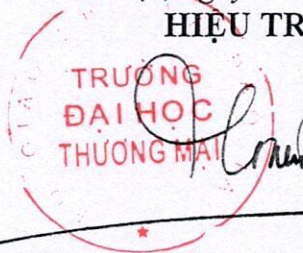
THÔNG BÁO
Biểu mẫu 21

**Công khai tài chính của Trường Đại học Thương mại
năm học 2022 – 2023**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học 2022- 2023	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm	39,375	157,500
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm	24,806	49,612
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Nhóm I	Triệu đồng/năm	25,000	100,000
	Nhóm II	Triệu đồng/năm	23,000	92,000
II	Học phí chính quy chương trình khác			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
1	Đại học	Triệu đồng/năm	17,209	68,838
2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
IV	Tổng thu năm	Tỷ đồng	502,624	
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	2,813	
2	Từ học phí	Tỷ đồng	472,396	
3	Từ NCKH và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng	3,615	
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	23,800	

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Nguyễn Hoàng